

PHỤ LỤC

ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUYÊN PHƯỚC

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:

+ Tài Trú sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến trước 16h00 ngày 06/05/2025.

+ Tài UBND xã Phước Thành: Từ 08h00' đến 16h00', ngày 07/05/2025 (Thứ tư).

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 10/5/2025 (Thứ 7) tại UBND xã Phước Thành.

Số TT	Đơn vị - Lô số	Số lô	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
A	Vị trí 5 Khu Đất làng xóm 5 thôn Cảnh An 1	29	4.092,6								
	KHU OLK 1	10	1.434,2								
	Đường DS3 - Hướng Tây Nam; LG 13m										
1	Lô số 1	1	184,4	Đường DS3 - Hướng Tây Nam	13m	3.360.000	620.000.000	124.000.000	19.000.000	100.000	Lô góc
2	Lô số 6	1	139,5	Đường DS3 - Hướng Tây Nam	13m	3.360.000	469.000.000	93.000.000	15.000.000	100.000	Lô góc
	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc; LG 13m										
3	Lô số 14	1	118,3	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	332.000.000	66.000.000	10.000.000	100.000	
4	Lô số 15	1	122,9	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	345.000.000	69.000.000	11.000.000	100.000	
5	Lô số 16	1	127,5	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	357.000.000	71.000.000	11.000.000	100.000	
6	Lô số 17	1	132,0	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	370.000.000	74.000.000	12.000.000	100.000	
7	Lô số 18	1	136,6	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	383.000.000	76.000.000	12.000.000	100.000	
8	Lô số 19	1	141,1	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	396.000.000	79.000.000	12.000.000	100.000	
9	Lô số 20	1	145,7	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	408.000.000	81.000.000	13.000.000	100.000	
10	Lô số 21	1	186,2	Đường DS2 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	522.000.000	104.000.000	16.000.000	100.000	
II KHU OLK 2		13	1.954,0								
	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc; LG 13m										
11	Lô số 1	1	200,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	3.360.000	673.000.000	134.000.000	21.000.000	100.000	Lô góc
12	Lô số 2	1	135,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	379.000.000	75.000.000	12.000.000	100.000	
13	Lô số 3	1	137,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	385.000.000	77.000.000	12.000.000	100.000	
14	Lô số 4	1	139,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	390.000.000	78.000.000	12.000.000	100.000	
15	Lô số 5	1	141,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	396.000.000	79.000.000	12.000.000	100.000	
16	Lô số 6	1	143,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	401.000.000	80.000.000	13.000.000	100.000	
17	Lô số 7	1	145,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	407.000.000	81.000.000	13.000.000	100.000	
18	Lô số 8	1	147,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	413.000.000	82.000.000	13.000.000	100.000	
19	Lô số 9	1	149,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	418.000.000	83.000.000	13.000.000	100.000	

Số TT	Đơn vị - Lô số	Số lô	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đất trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ môi trường giá (đồng)	Ghi chú
20	Lô số 10	1	151,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	424.000.000	84.000.000	13.000.000	100.000	
21	Lô số 11	1	153,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	429.000.000	85.000.000	13.000.000	100.000	
22	Lô số 12	1	155,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	435.000.000	87.000.000	14.000.000	100.000	
23	Lô số 13	1	157,1	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	440.000.000	88.000.000	14.000.000	100.000	
III	KHU OLK 3	6	704,4								
Đường DS4 - Hướng Tây Nam; LG 13m											
24	Lô số 13	1	111,3	Đường DS4 - Hướng Tây Nam	13m	3.360.000	374.000.000	74.000.000	12.000.000	100.000	Lô góc
25	Lô số 18	1	99,0	Đường DS4 - Hướng Tây Nam	13m	2.800.000	278.000.000	55.000.000	9.000.000	100.000	
Đường DS1 - Hướng Tây Bắc; LG 13m											
26	Lô số 1	1	118,9	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	3.360.000	400.000.000	80.000.000	12.000.000	100.000	Lô góc
27	Lô số 6	1	125,5	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	3.360.000	422.000.000	84.000.000	13.000.000	100.000	Lô góc
Đường DS3 - Hướng Đông Bắc; LG 13m											
28	Lô số 7	1	99,0	Đường DS3 - Hướng Đông Bắc	13m	2.800.000	278.000.000	55.000.000	9.000.000	100.000	
29	Lô số 12	1	150,7	Đường DS3 - Hướng Đông Bắc	13m	3.360.000	507.000.000	101.000.000	16.000.000	100.000	Lô góc
B	Vị trí 6 Khu Vườn Mít xóm 5 thôn Cảnh An 1	21	2.018,5								
Đường DS1 - Hướng Tây Bắc; LG 13m											
30	Lô số 1	1	84,8	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	3.360.000	285.000.000	57.000.000	9.000.000	100.000	Lô góc
31	Lô số 2	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
32	Lô số 3	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
33	Lô số 4	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
34	Lô số 5	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
35	Lô số 6	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
36	Lô số 7	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
37	Lô số 8	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
38	Lô số 9	1	90,0	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	252.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
39	Lô số 10	1	89,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	250.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
40	Lô số 11	1	86,2	Đường DS1 - Hướng Tây Bắc	13m	2.800.000	242.000.000	48.000.000	8.000.000	100.000	
Đường DS3 - Hướng Đông Nam; LG 5m											
41	Lô số 13	1	138,6	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	3.120.000	433.000.000	86.000.000	13.000.000	100.000	Lô góc
42	Lô số 14	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
43	Lô số 15	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
44	Lô số 16	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
45	Lô số 17	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	



 HANOI PEOPLE'S COURT

Số TT	Đơn vị - Lô số	Số lô	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lô giới	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Triền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Triền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
46	Lô số 18	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
47	Lô số 19	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
48	Lô số 20	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
49	Lô số 21	1	96,5	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	2.600.000	251.000.000	50.000.000	8.000.000	100.000	
50	Lô số 22	1	127,7	Đường DS3 - Hướng Đông Nam	5m	3.120.000	399.000.000	79.000.000	12.000.000	100.000	Lô góc
C	Vị trí 7 Khu Lô Đé xóm 1 thôn Cảnh An 1	3	478,1								
	Đường DS2 - Hướng Nam; LG 13m										
51	Lô số 1	1	145,1	Đường DS2 - Hướng Nam	13m	3.800.000	552.000.000	110.000.000	17.000.000	100.000	
52	Lô số 2	1	172,1	Đường DS2 - Hướng Nam	13m	4.560.000	785.000.000	157.000.000	24.000.000	100.000	Lô góc
	Đường DS1 - Hướng Bắc; LG 13m										
53	Lô số 3	1	160,9	Đường DS1 - Hướng Bắc	13m	3.600.000	580.000.000	116.000.000	18.000.000	100.000	
	TỔNG CỘNG	53	6.589,2				19.601.000.000	3.902.000.000		5.300.000	

ĐÀO ĐỨC THỌ



GIÁM ĐỐC

